ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 30 /2020/QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 02 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thuỷ lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thuỷ lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính về quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2020 Bộ Tài chính quy định khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác;

Căn cứ Nghị quyết số 285/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 289/TTr-STC ngày 17 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2020.

2. Đối với công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư và công trình thủy lợi đầu tư xây dựng không sử dụng vốn nhà nước không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hợp pháp có liên quan đến quản lý khai thác công trình thủy lợi.

2. Cơ quan, đơn vị có liên quan đến quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác

1. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác (Tiêu nước khu công nghiệp bao gồm cả các nhà máy công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao) là: 1.632.500 Đồng/ha/lưu vực tiêu/năm.

2. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác tại Khoản 1 Điều này là giá sản phẩm, dịch vụ đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật thuế hiện hành và được xác định trong điều kiện thời tiết bình thường (không có thiên tai, hỏa hoạn và điều kiện bất thường khác).

Điều 4. Quản lý và sử dụng tiền thu được từ cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác

1. Khi thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác; đơn vị cung ứng dịch vụ phải lập, sử dụng hóa đơn theo quy định của pháp luật hiện hành về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

2. Nguồn thu từ cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật thì phần còn lại được để lại đơn vị sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thuỷ lợi tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện niêm yết, công khai thông tin về giá sản phẩm, xây dựng dự toán và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2020.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thuỷ lợi tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ NN và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lưu: VT, TH[NA].

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hưng Yên
Giờ ký: 02/10/2020 15:42:16

Nguyễn Văn Phòng